

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 202/2026/TLST - VHNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông **Nguyễn Đăng K**, sinh năm 1972; Căn cước công dân số 001072035893 do Cục trưởng Cục Q về trật tự xã hội cấp ngày 02/05/2022; HKTT: Thôn A, xã H, thành phố Hà Nội.

Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1977; Căn cước công dân số 001177028064 do Cục trưởng Cục Q về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021; HKTT: Thôn A, xã H, thành phố Hà Nội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đăng K và bà Nguyễn Thị L lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 07/01/2026 tại UBND xã H, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, anh chị đã thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông K và bà L thực sự trầm trọng, nguyện vọng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Đăng K và bà Nguyễn Thị L xác nhận có 03 (ba) con chung là Nguyễn Hiền L1, sinh ngày 08/05/1995; Nguyễn Ngọc L2. Sinh ngày 16/05/1998 và Nguyễn Duy K1, sinh ngày 15/04/2003. Cả 03 (ba) con chung của ông bà đều đã đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), sức khỏe bình thường nên Tòa án không xét.

[3] Về tài sản và nhà đất chung: Ông K và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về nợ chung: Ông K và bà L xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về lệ phí: Ông K tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Sự tự nguyện của ông K là phù hợp nên ghi nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 04 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đăng K và bà Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Đăng K và bà Nguyễn Thị L xác nhận có 03 (ba) con chung là Nguyễn Hiền L1, sinh ngày 08/05/1995; Nguyễn Ngọc L2. Sinh ngày 16/05/1998 và Nguyễn Duy K1, sinh ngày 15/04/2003. Cả 03 (ba) con chung của ông bà đều đã đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), sức khoẻ bình thường nên Toà án không xét.

[1.3] Về tài sản và nhà ở chung: Ông Nguyễn Đăng K và bà Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[1.4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Đăng K và bà Nguyễn Thị L xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí: Ông Nguyễn Đăng K tự nguyện chịu cả số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0009236 ngày 15/04/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 8 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP. Hà Nội;
- UBND xã xã Hoài Đức, TP. Hà Nội  
(GCN số 03 ngày 07/01/2026);
- Lưu hồ sơ vụ án.

#### **THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Đoan**

